

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 5 năm 2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp
về con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bà Nguyễn Thị Vượng;

Bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Trang là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố Thành Ngang, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh Vũ Văn M, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 6, ngách 41, ngõ 787, tổ dân phố Giáp Hải, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/03/2019, những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn M kết hôn ngày 29/03/1994 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị và anh M chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị và anh M không hòa hợp về

tính cách, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, lạnh nhạt và không quan tâm đến nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng bản thân hai người đã cố hàn gắn và được gia đình, người thân khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả. Hậu quả là giữa chị và anh M đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Giữa chị và anh M có 03 con chung gồm: Vũ Thị H, sinh ngày 07/5/1995; Vũ Thị H, sinh ngày 09/8/1996 và Vũ Thị H, sinh ngày 20/6/2010. Hiện nay cháu Vũ Thị H, Vũ Thị H đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Vũ Thị H hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Huyền và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn là anh Vũ Văn M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T được tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố B năm 1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có tiếng nói chung, kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng luôn xảy ra tranh cãi. Chị Thu đã bỏ đi từ năm 2010 nên giữa anh và chị Thu đã sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi. Nay chị Thu yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có ba con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 07/5/1995; Vũ Thị H, sinh ngày 09/8/1996 và Vũ Thị H, sinh ngày 20/6/2010. Hiện nay cháu Vũ Thị H, Vũ Thị H đều đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Cháu Vũ Thị H hiện đang ở cùng chị Nguyễn Thị T, khi ly hôn anh đồng ý để chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huyền. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tại biên bản làm việc ngày 20/3/2019, ông Vũ Ngọc Ước và bà Nguyễn Thị Chiến là bố mẹ đẻ anh Vũ Văn M cung cấp:* Gia đình ông bà tổ chức cưới hỏi cho chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn M theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh M, chị Thu chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Thu có mối quan hệ với người đàn ông khác, anh M chán nản nên rượu chè, không quan tâm đến gia đình. Sau đó chị Thu bỏ chồng, con đi và không quan tâm gì đến gia đình. Giữa chị Thu và anh M đã sống ly thân mỗi người một nơi từ trước năm 2010 cho đến nay.

** Tại biên bản xác minh ngày 21/3/2019, đại diện tổ dân phố Giáp Hải, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị T được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo như địa phương nắm được là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, chị Thu bỏ nhà đi từ cách đây hơn chục năm nên hai người không chung sống cùng nhau.*

Tòa án đã tiến hành thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Cả nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định chung của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

** Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.*

** Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thị H, sinh ngày 20/6/2010 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[2] Xét quan hệ hôn nhân thì thấy: Giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành

phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn M là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Sau khi kết hôn hai người chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận do tính cách không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống và về kinh tế gia đình nên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2010 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều xác định mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được nên bị đơn cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Ngoài ra, qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của hai bên đương sự và gia đình bị đơn được biết, giữa chị Thu và anh M đã mâu thuẫn từ lâu, ai có cuộc sống riêng của người ấy, không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Thu và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Thu là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Thu và anh M đều công nhận có 03 con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 07/5/1995; Vũ Thị H, sinh ngày 09/8/1996 và Vũ Thị H, sinh ngày 20/6/2010, ngoài ra không còn con chung nào khác. Xét thấy con chung là Vũ Thị H, Vũ Thị H đã trưởng thành có khả năng sống tự lập được chị Thu, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Vũ Thị H, hiện nay đang do chị Thu trực tiếp nuôi dưỡng, giữa chị Thu và anh M thống nhất sau khi ly hôn để chị Thu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huyền, bản thân cháu Huyền cũng có nguyện vọng được ở với chị Thu. Xét thấy, Hiện tại chị Thu có đủ điều kiện để nuôi con chung và để đảm bảo quyền lợi cho cháu Huyền được nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất, cần chấp nhận nguyện vọng của hai bên đương sự giao cho cháu Huyền cho chị Thu trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Vũ Văn M.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị H, sinh ngày 20/6/2010.

Anh Vũ Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Thu đã nộp 300.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2016/0000305 ngày 14 tháng 3 năm 2019. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm..

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS ND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHA dân sự TP. Bắc Giang;
- UBND phường Đình Kế, TP. Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Dương Văn Hải

